HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/NQ-HĐND	*Cà Mau, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Xét Tờ trình số 945/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết về phân bổ nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 394/BC-BKTNS ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn ngân sách trung ương bổ sung năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030 và nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, với số tiền 175.652 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư công: 119.389 triệu đồng (nguồn ngân sách trung ương)

a) Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 71.633 triệu đồng (Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết các dự án khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công);

b) Cấp xã: 47.756 triệu đồng (Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ chi tiết kế hoạch vốn theo quy định tại Nghị quyết số 68/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

(Kèm theo Phụ lục I)

2. Nguồn vốn chi thường xuyên: 56.263 triệu đồng (trong đó, vốn ngân sách trung ương 46.886 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh 9.377 triệu đồng)

a) Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 33.758 triệu đồng;

b) Cấp xã: 22.505 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục II)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án*			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: Phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH** (Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án khi đủ điều kiện theo quy định)												**71.633**			
B	**CẤP XÃ** (Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ theo dự án thành phần, danh mục và mức bố trí vốn để thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 68/2026/NQ-HĐND ngày 08/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)												**47.756**			
1	Phường An Xuyên												1.193			
2	Phường Hòa Thành												511			
3	Phường Lý Văn Lâm												475			
4	Phường Tân Thành												655			

5	Phường Bạc Liêu												2.699			
6	Phường Vĩnh Trạch												1.229			
7	Phường Hiệp Thành												601			
8	Phường Giá Rai												493			
9	Phường Láng Tròn												350			
10	Xã Cái Nước												673			
11	Xã Lương Thế Trân												762			
12	Xã Tân Hưng												493			
13	Xã Hưng Mỹ												762			
14	Xã Đầm Dơi												673			
15	Xã Tạ An Khương												511			
16	Xã Tân Thuận												915			
17	Xã Trần Phán												673			
18	Xã Quách Phẩm												466			
19	Xã Tân Tiến												825			
20	Xã Thanh Tùng												915			
21	Xã Đất Mới												529			
22	Xã Năm Căn												762			
23	Xã Tam Giang												708			
24	Xã Phan Ngọc Hiển												646			
25	Xã Tân Ân												529			
26	Xã Đất Mũi												646			
27	Xã Cái Đôi Vàm												601			
28	Xã Nguyễn Việt Khái												601			
29	Xã Phú Mỹ												1.004			
30	Xã Phú Tân												691			

31	Xã Hồ Thị Kỷ												646			
32	Xã Tân Lộc												852			
33	Xã Thới Bình												601			
34	Xã Trí Phải												2.780			
35	Xã Biển Bạch												1.094			
36	Xã Đá Bạc												574			
37	Xã Khánh Bình												529			
38	Xã Khánh Hưng												619			
39	Xã Sông Đốc												960			
40	Xã Trần Văn Thời												1.211			
41	Xã Khánh An												619			
42	Xã U Minh												601			
43	Xã Khánh Lâm												735			
44	Xã Nguyễn Phích												735			
45	Xã Hòa Bình												942			
46	Xã Vĩnh Hậu												753			
47	Xã Vĩnh Mỹ												673			
48	Xã Vĩnh Lợi												556			
49	Xã Hưng Hội												673			
50	Xã Châu Thới												691			
51	Xã Phong Thạnh												762			
52	Xã Long Điền												619			
53	Xã Đông Hải												529			
54	Xã Gành Hào												493			
55	Xã An Trạch												484			
56	Xã Định Thành												511			

57	Xã Phước Long												511			
58	Xã Vĩnh Thanh												493			
59	Xã Phong Hiệp												574			
60	Xã Vĩnh Phước												511			
61	Xã Hồng Dân												673			
62	Xã Ninh Thạnh Lợi												1.202			
63	Xã Ninh Quới												493			
64	Xã Vĩnh Lộc												466			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chi thường xuyên năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
						Tổng số	Nguồn NSTW	Nguồn đối ứng tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**					**33.758**	**28.132**	**5.626**	Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL ngày 06/4/2026 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
I	**Nội dung thành phần số 2: Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả**					**29.958**	**28.132**	**1.826**	
1	Nâng cấp hệ thống kho hiện vật bảo tàng tại Phường An Xuyên: San lấp mặt bằng, cải tạo các kho hiện trạng; mở rộng thêm	Phường An Xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và	2026 - 2027		4.000	4.000		

	03 kho; đầu tư trang thiết bị kho đáp ứng tiêu chuẩn kho bảo quản hiện vật		Du lịch						
2	Xây dựng mô hình không gian đọc tại Thư viện công cộng cấp tỉnh, phát triển các mô hình, chương trình khuyến đọc; hỗ trợ xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện và các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ phát triển văn hóa đọc	Phường An Xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		2.391	2.365	26	
3	Xây dựng mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách tại Thư viện công cộng cấp tỉnh: Trang bị bàn, ghế, máy tính cho phòng đọc đa phương tiện Thư viện tỉnh tại 02 cơ sở	Phường An Xuyên, phường Bạc Liêu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		2.900	2.900		
4	Đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật, sân khấu lưu động của Đoàn Cải lương Hương Tràm	Phường Tân Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		300	300		
5	Đầu tư trang thiết bị hoạt động cho Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh (hệ thống âm thanh, ánh sáng, màn hình led) phục vụ các chương trình lưu động	Phường An Xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		11.500	11.500		
6	Đầu tư trang bị sân khấu lưu động cho Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh (thực hiện năm trong 2026)	Phường An Xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		1.800		1.800	
7	Đầu tư trang thiết bị hoạt động cho Nhà hát Cao Văn Lầu (hệ thống âm thanh, ánh sáng, màn hình led)	Phường Bạc Liêu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		7.067	7.067		

II	**Nội dung thành phần số 4: Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc**					**2.000**		**2.000**	
1	Quy hoạch Di tích Quốc gia đặc biệt Đường Hồ Chí Minh trên biển - Bến Vàm Lũng	Xã Phạn Ngọc Hiển	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		800		800	
2	Quy hoạch Di tích quốc gia đặc biệt Khảo cổ Vĩnh Hưng	Xã Châu Thới	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		600		600	
3	Quy hoạch Di tích quốc gia đặc biệt Căn Cứ Cái Chanh	Xã Ninh Thạnh Lợi	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		600		600	
III	**Nội dung thành phần số 7: Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu văn hóa khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa**					**1.800**		**1.800**	
1	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyển đổi số sân khấu cải lương của Đoàn Cải lương Hương Tràm	Phường Tân Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026 - 2027		300		300	
2	Đầu tư trang thiết bị số phục vụ công tác truyền thông và tuyên truyền phát huy giá trị di sản. Sản phẩm đầu ra là các phim ngắn được sản xuất bằng AI (Đầu tư hệ thống phòng thu; mua sắm trang thiết bị: Máy quay video chuyên dụng 4K, thân máy; Flycam, Hệ thống máy tính chuyên dùng cấu hình cao; Thiết bị màn hình tương tác; chi phí mua các phần mềm ứng dụng AI chuyên dụng ...)	Phường An Xuyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026		1.500		1.500	

B	**CẤP XÃ**					**22.505**	**18.754**	**3.751**	
1	Phường An Xuyên	Phường An Xuyên	UBND phường An Xuyên			562	468	94	
2	Phường Hòa Thành	Phường Hòa Thành	UBND pường Hòa Thành			241	200	41	
3	Phường Lý Văn Lâm	Phường Lý Văn Lâm	UBND phường Lý Văn Lâm			224	187	37	
4	Phường Tân Thành	Phường Tân Thành	UBND phường Tân Thành			309	257	52	
5	Phường Bạc Liêu	Phường Bạc Liêu	UBND phường Bạc Liêu			1.272	1.060	212	
6	Phường Vĩnh Trạch	Phường Vĩnh Trạch	UBND phường Vĩnh Trạch			579	483	96	
7	Phường Hiệp Thành	Phường Hiệp Thành	UBND phường Hiệp Thành			283	236	47	
8	Phường Giá Rai	Phường Giá Rai	UBND phường Giá Rai			232	194	38	
9	Phường Láng Tròn	Phường Láng Tròn	UBND phường Láng Tròn			165	137	28	

10	Xã Cái Nước	Xã Cái Nước	UBND Xã Cái Nước			317	264	53	
11	Xã Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân	UBND Xã Lương Thế Trân			359	299	60	
12	Xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng	UBND Xã Tân Hưng			232	194	38	
13	Xã Hưng Mỹ	Xã Hưng Mỹ	UBND Xã Hưng Mỹ			359	299	60	
14	Xã Đầm Dơi	Xã Đầm Dơi	UBND Xã Đầm Dơi			317	264	53	
15	Xã Tạ An Khương	Xã Tạ An Khương	UBND Xã Tạ An Khương			241	200	41	
16	Xã Tân Thuận	Xã Tân Thuận	UBND Xã Tân Thuận			431	359	72	
17	Xã Trần Phán	Xã Trần Phán	UBND Xã Trần Phán			317	264	53	
18	Xã Quách Phẩm	Xã Quách Phẩm	UBND Xã Quách Phẩm			220	183	37	
19	Xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	UBND Xã Tân Tiến			389	324	65	
20	Xã Thanh Tùng	Xã Thanh Tùng	UBND Xã Thanh Tùng			432	359	73	
21	Xã Đất Mới	Xã Đất Mới	UBND Xã Đất Mới			249	208	41	

22	Xã Năm Căn	Xã Năm Căn	UBND Xã Năm Căn			359	299	60	
23	Xã Tam Giang	Xã Tam Giang	UBND Xã Tam Giang			334	278	56	
24	Xã Phan Ngọc Hiển	Xã Phan Ngọc Hiển	UBND Xã Phan Ngọc Hiển			304	254	50	
25	Xã Tân Ân	Xã Tân Ân	UBND Xã Tân Ân			249	208	41	
26	Xã Đất Mũi	Xã Đất Mũi	UBND Xã Đất Mũi			304	254	50	
27	Xã Cái Đôi Vàm	Xã Cái Đôi Vàm	UBND Xã Cái Đôi Vàm			283	236	47	
28	Xã Nguyễn Việt Khái	Xã Nguyễn Việt Khái	UBND Xã Nguyễn Việt Khái			283	236	47	
29	Xã Phú Mỹ	Xã Phú Mỹ	UBND Xã Phú Mỹ			473	394	79	
30	Xã Phú Tân	Xã Phú Tân	UBND Xã Phú Tân			325	271	54	
31	Xã Hồ Thị Kỷ	Xã Hồ Thị Kỷ	UBND Xã Hồ Thị Kỷ			304	254	50	
32	Xã Tân Lộc	Xã Tân Lộc	UBND Xã Tân Lộc			401	335	66	
33	Xã Thới Bình	Xã Thới Bình	UBND Xã Thới Bình			283	236	47	

34	Xã Trí Phải	Xã Trí Phải	UBND Xã Trí Phải			1.310	1.092	218	
35	Xã Biển Bạch	Xã Biển Bạch	UBND Xã Biển Bạch			516	430	86	
36	Xã Đá Bạc	Xã Đá Bạc	UBND Xã Đá Bạc			270	225	45	
37	Xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	UBND Xã Khánh Bình			249	208	41	
38	Xã Khánh Hưng	Xã Khánh Hưng	UBND Xã Khánh Hưng			292	243	49	
39	Xã Sông Đốc	Xã Sông Đốc	UBND Xã Sông Đốc			452	377	75	
40	Xã Trần Văn Thời	Xã Trần Văn Thời	UBND Xã Trần Văn Thời			571	476	95	
41	Xã Khánh An	Xã Khánh An	UBND Xã Khánh An			292	243	49	
42	Xã U Minh	Xã U Minh	UBND Xã U Minh			283	236	47	
43	Xã Khánh Lâm	Xã Khánh Lâm	UBND Xã Khánh Lâm			348	289	59	
44	Xã Nguyễn Phích	Xã Nguyễn Phích	UBND Xã Nguyễn Phích			347	289	58	
45	Xã Hòa Bình	Xã Hòa Bình	UBND Xã Hòa Bình			444	370	74	

46	Xã Vĩnh Hậu	Xã Vĩnh Hậu	UBND Xã Vĩnh Hậu			356	296	60	
47	Xã Vĩnh Mỹ	Xã Vĩnh Mỹ	UBND Xã Vĩnh Mỹ			317	264	53	
48	Xã Vĩnh Lợi	Xã Vĩnh Lợi	UBND Xã Vĩnh Lợi			262	218	44	
49	Xã Hưng Hội	Xã Hưng Hội	UBND Xã Hưng Hội			318	264	54	
50	Xã Châu Thới	Xã Châu Thới	UBND Xã Châu Thới			325	271	54	
51	Xã Phong Thạnh	Xã Phong Thạnh	UBND Xã Phong Thạnh			359	299	60	
52	Xã Long Điền	Xã Long Điền	UBND Xã Long Điền			292	243	49	
53	Xã Đông Hải	Xã Đông Hải	UBND Xã Đông Hải			249	208	41	
54	Xã Gành Hào	Xã Gành Hào	UBND Xã Gành Hào			232	194	38	
55	Xã An Trạch	Xã An Trạch	UBND Xã An Trạch			228	190	38	
56	Xã Định Thành	Xã Định Thành	UBND Xã Định Thành			241	201	40	
57	Xã Phước Long	Xã Phước Long	UBND Xã Phước Long			241	201	40	

58	Xã Vĩnh Thanh	Xã Vĩnh Thanh	UBND Xã Vĩnh Thanh			232	194	38	
59	Xã Phong Hiệp	Xã Phong Hiệp	UBND Xã Phong Hiệp			270	225	45	
60	Xã Vĩnh Phước	Xã Vĩnh Phước	UBND Xã Vĩnh Phước			241	201	40	
61	Xã Hồng Dân	Xã Hồng Dân	UBND Xã Hồng Dân			317	264	53	
62	Xã Ninh Thạnh Lợi	Xã Ninh Thạnh Lợi	UBND Xã Ninh Thạnh Lợi			567	472	95	
63	Xã Ninh Quới	Xã Ninh Quới	UBND Xã Ninh Quới			232	194	38	
64	Xã Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Lộc	UBND Xã Vĩnh Lộc			220	183	37	